

Bản án số: 14/2017/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 12 - 2017
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thủy

2. Ông Nguyễn Chí Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐĐVAXX ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ - SN: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Làng T, xã A, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc H- SN: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Ngọc H kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chị và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Chị và anh H không có con chung.

3. Về tài sản và công nợ: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trịnh Ngọc H trình bày:

1. Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị Đ trình bày trên là đúng. Theo anh, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân. Chị Đ có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, vì điều kiện anh đi làm xa không đến Tòa án được, anh có đơn đề nghị không tham gia tố tụng tại Tòa án và xin xử vắng mặt anh.

2. Về con chung: Chị Đ và anh không có con chung.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Đ và anh không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại huyện S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện S; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

Bị đơn là anh Trịnh Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần nhất, nhưng anh H có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Trịnh Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị Đ có đơn xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh H hai lần nhưng anh H không có mặt tại Tòa án. Ngày 04/12/2017 Tòa án nhận được đơn đề nghị của anh H (có xác nhận của chính quyền địa phương). Theo đó, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị Đ. Do đó xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn đối với anh Trịnh Ngọc H; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị Đ không có con chung.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh H và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Trịnh Ngọc H.

2. Về con chung: Anh H và chị Đ không có con chung.

3. Về tài sản, công nợ: Anh H và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Đ chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 1516 ngày 17/10/2017 của Chi cục THADS huyện S. Chị Đ đã nộp đủ án phí DSST.

Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND phường X, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thủy